

CỔ THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG NHỮNG GÌ TÔI BIẾT VÀ CHỨNG KIẾN

◆ GS. NGUYỄN ĐÌNH CHÚ

Không giấu gì quý vị, đây là điều từ lâu tôi đã muốn viết nhưng rồi nghĩ thế nào đó mà đành gác lại. Hôm nay, sau những ngày theo dõi nội dung Đại hội XIII của Đảng và những lời phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, thấy nổi lên trong đường lối phát triển đất nước thì “kinh tế là trọng tâm, văn hóa là nền tảng tinh thần của đất nước”, tôi thật sự hoan nghênh và thiết tha mong sao đường lối đó

sẽ là hiện thực sống đời và viên mãn của đất nước, không có tình trạng một dày một mỏng. Mà để có được như thế thì trước hết vẫn trông đợi ở những vị lãnh đạo tối cao của đất nước. Trong tâm thế đó, tự nhiên tôi lại muốn viết về những gì tôi biết và chứng kiến về cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng (cụ Đồng). Dĩ nhiên nói về cụ Đồng thì phần nào cũng là nói về Nhà nước ta ở thời cụ Đồng làm Thủ tướng.



Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng
(Nguồn: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)

Cụ Đồng là một nhà cách mạng chuyên nghiệp, một vị Thủ tướng lâu năm nhất mà lịch sử đã tôn vinh, đã đánh giá và có thể còn đánh giá, tôi không có hiểu biết nhiều để nói gì thêm. Tôi chỉ nói những gì tôi biết và chứng kiến, theo tôi, cụ không phải là một nhà văn hóa chuyên nghiệp nhưng cụ là một chính khách có phẩm chất văn hóa cao quý không dễ có nhiều. Phẩm chất văn hóa đó thể hiện ở những bài phát biểu, bài viết, ở những chủ trương, những việc làm cụ thể, ở thái độ đối với danh nhân của đất nước, ở cách ứng xử đối với nhân sĩ trí thức nói chung. Những bài viết, bài phát biểu của cụ đã được chọn in lại trong sách *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*. Tôi muốn coi đây là một công trình sáng giá về văn hóa Việt Nam ở hạ bán thế kỷ XX. Ở đây không phải là những lý thuyết cao siêu mới lạ. Ở đây là những suy tư, những kiến nghị, những đề xuất chứa chan tâm huyết và trí tuệ đậm bản sắc cá nhân của một vị Thủ tướng Chính phủ trước yêu cầu phát triển đất nước về mặt văn hóa hiểu theo nghĩa rộng: cụ cũng như một số vị lãnh đạo khác có viết gì về văn hóa, văn nghệ thì cũng đều nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước trong thời chiến và trong thời bình nhưng không chính trị hóa văn hóa, văn nghệ; với cụ là nhằm văn hóa hóa chính trị. Đó là chủ trương và trực tiếp chỉ đạo biên soạn các công trình: *Lịch sử quốc gia, Văn học sử quốc gia, Địa lý quốc gia, Tự điển Bách khoa Việt Nam*. Đó là chủ trương “Giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt”, chuẩn hóa ngữ pháp tiếng Việt. Chủ trương “Giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt” là một chủ trương vô cùng trọng đại bởi một đất nước mà không may bị ngoại xâm chiếm đóng thì mất lãnh thổ, mất chủ quyền, mất sự sống... nhưng nếu kiên cường chống

ngoại xâm thắng lợi như dân tộc ta đã bao phen chứng tỏ, có lúc mất đến 1000 năm mà vẫn giành lại được thì mọi thứ vẫn còn; nhưng mất nước mà mất đến văn hóa, đặc biệt mất cả tiếng nói thì ôi thôi hết nói. Điều đó chứng tỏ gì? Chứng tỏ tiếng nói là yếu tố quyết định nhất trong sự tồn vong của đất nước. Câu nói “*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn*” của ông chủ bút Tạp chí *Nam Phong* là dựa vào quy luật khách quan đó. Khi cụ Đồng chủ trương “Giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt” thì quả là một chủ trương vô cùng sáng suốt của một vị Thủ tướng có tầm nhìn triết học về văn hóa sâu xa biết chừng nào.

Năm 1965, giặc Mĩ leo thang chiến tranh đánh phá Miền Bắc, các cơ quan của ta phải sơ tán khắp nơi. Vậy mà năm 1966, Thủ tướng đã ký quyết định mở lớp Đại học Hán Nôm, trong hai năm đã đào tạo cho đất nước một thế hệ Hán học. Kế đó lại cho thành lập Viện Hán Nôm. Hai chủ trương này đã tạo điều kiện phục hưng văn hóa dân tộc và cũng góp phần tích cực vào việc giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng tiếng Việt. Bởi như chúng ta đã biết, trong kho tàng tiếng Việt, khối lượng từ Hán Việt trong phạm vi ngôn ngữ đời thường thì chỉ chiếm khoảng hơn 40% nhưng trong phạm vi ngôn ngữ chính luận thì chiếm đến khoảng 70%. Hiện tượng không hiểu, hiểu sai, dùng sai từ Hán Việt ở thời nay ảnh hưởng đến trình độ ngôn ngữ và văn chương là sự thật. Ở đây quả có một hiện tượng vô cùng lớn lao liên quan đến sinh mạng văn hóa Việt Nam là việc dưới thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân đã thay chữ Hán, chữ Nôm bằng chữ quốc ngữ, trong khi cả khu vực không ở đâu thay, thì hiệu quả thực tế là được rất lớn, mà mọi người đã biết, bởi nhờ đó mà dân chủ hóa, hiện đại hóa được nền

văn hóa, văn học Việt Nam; nhưng mắt cũng không nhỏ, mà chúng ta chưa mấy ai để ý tới là tạo ra sự gián cách lịch sử không kém phần tai hại. Linh mục Puginier là người tích cực cổ động chính quyền thực dân thay nhanh chữ Hán, chữ Nôm bằng chữ quốc ngữ để có công cụ truyền giáo chẳng đã nói đúng quy luật khách quan: “Thay chữ viết là thay cả một nền văn hóa”? Toàn quyền Decoux, năm 1943, còn nhận tội: “Chúng ta có cái tội là thay chữ viết Hán Nôm bằng chữ quốc ngữ làm cho con cháu người Việt Nam không hiểu gì tổ tiên của mình nữa”. Nhân đây, xin kể lại chuyện năm 1955, vào một buổi sáng chủ nhật tại khu học xá sinh viên Đại học Sư phạm Văn khoa và Đại học Sư phạm Khoa học (nay là Đại học Bách khoa Hà Nội), vào khoảng chín giờ, bỗng có tin Bác Hồ đến thăm, lũ chúng tôi sung sướng kéo nhau đến dãy nhà D trong bốn dãy A, B, C, D để đón Bác. Trong câu chuyện, Bác hỏi chúng tôi nhiều điều, trong đó có câu: Các cháu có yêu thương nhau không? Cả lũ hô to: Dạ có ạ. Bác hỏi tiếp: Yêu nhau thì phải thế nào? Anh Chủ tịch Hội Sinh viên nhanh nhẩu đáp: Dạ! Tương trợ nhau ạ. Bác hỏi tiếp: Thế có tương mắ không? Cả lũ cười vui khoái chí. Bác nói: Các cháu là sinh viên, đặc biệt là sinh viên văn thì phải biết coi trọng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ. Chỉ từ nào ta không có thì hãy dùng từ Hán Việt.

Chủ trương giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt và chuẩn hóa ngữ pháp tiếng Việt của Thủ tướng Phạm Văn Đồng chính là thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về tiếng Việt. Thủ tướng đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện chủ trương này, trong đó đã điều động người anh cả ngôn ngữ học Việt Nam là Giáo sư Nguyễn Tài Căn đang công tác tại Khoa Văn - Đại học Tổng hợp Hà Nội lên

làm trợ lý của Thủ tướng về vấn đề ngôn ngữ, và tiếp đó là việc biên soạn *Tự điển Bách khoa Việt Nam*. Chuyện với Thủ tướng Phạm Văn Đồng là thế. Vậy mà thời nay không thấy đâu quan tâm đến nữa, trong khi tiếng Việt xem ra đang bị xuống giá khá rõ. Chỉ nhìn vào cách đặt tên công ti, cửa hàng, ngân hàng, khu chung cư... ở Hà Nội thì rõ (trong khi ở Bắc Kinh, Thượng Hải của Trung Quốc thì đều ghi bằng Trung văn rồi mới chua thêm tiếng nước ngoài). Trong chương trình giáo dục phổ thông có tăng thời lượng cho tiếng Việt theo hướng tích hợp ngữ văn nhưng mục tiêu lại chỉ ngừng ở mức đọc hiểu tiếng Việt, trong khi đáng ra phải là đọc hiểu để yêu tiếng Việt. Do xác định mục tiêu chưa thật hoàn chỉnh nên ít nhiều đã sa vào tình trạng thừa kiến thức hàn lâm. Để đọc hiểu mà yêu tiếng Việt là cả một vấn đề không dễ nhưng không thể không đặt ra để phấn đấu.

Nhà nước ta từ suốt cả thời kỳ kháng chiến và hậu chiến, mà đứng đầu là Thủ tướng Phạm Văn Đồng, dù còn khó khăn mấy thì vẫn rất quan tâm phát triển văn hóa, phát triển khoa học xã hội và nhân văn. Từ trong kháng chiến chống Pháp, ở chiến khu Việt Bắc đã có Ban Văn - Sử - Địa. Hòa bình lập lại thì có Ủy ban khoa học kỹ thuật Việt Nam, sau đó tách thành hai: Viện Khoa học Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam) và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam), trong đó có Viện Sử học, Viện Văn học, Viện Triết học, Viện Ngôn ngữ học, Viện Hán Nôm, Viện Khảo cổ học, Viện Dân tộc học, Viện Đông Nam Á, Viện Văn hóa dân gian, Viện Xã hội học, Viện Tâm lý học, rồi nữa là Viện Tôn giáo, Viện Từ điển học và Bách khoa thư; lại còn có Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật

Việt Nam, trong đó có các Hội thuộc đủ các ngành văn học, nghệ thuật, đặc biệt là Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam... tồn tại cho đến ngày nay. Trong tình hình phát triển chung đó, thành tựu nổi bật nhất là khảo cổ học tạo cơ sở cho sử học trong việc làm sống dậy thời đại Hùng Vương; là việc khôi phục thành tựu văn học dân gian Việt Nam, văn học Hán Nôm của thời trung đại, làm sống dậy sự nghiệp văn chương của các đại thi hào dân tộc. Dù ở bộ phận này, bộ phận khác mà thành quả có mặt hạn chế, bị thời gian bỏ lại nhưng về tổng thể vẫn là một cuộc phục hưng văn hóa dân tộc bề thế của thời đại Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc, trực tiếp là sản phẩm của sự trỗi dậy phi thường của tinh thần dân tộc trong khí thế chống ngoại xâm, đặc biệt là chống Mĩ với một ý nghĩ trung tâm là: về vũ khí thì Mĩ là cường quốc nhưng lịch sử chỉ mới hai trăm năm tuổi; còn ta, về vũ khí thì thua xa Mĩ nhưng lịch sử thì đã bốn ngàn năm; ta nhất định sẽ thắng Mĩ.

Thời cụ Đồng làm Thủ tướng, ngành giáo dục cùng ngành y được coi là hai bông hoa đẹp nhất của chế độ. Về giáo dục, tiếp nối phong trào xóa nạn mù chữ, phong trào bình dân học vụ là sự phát triển nền giáo dục phổ thông. Đặc biệt là nền giáo dục đại học, trong kháng chiến gian khổ, tại chiến khu Việt Bắc đã sớm có Trường Đại học Y Dược. Tại khu tự do Thanh Nghệ đã có lớp đại học Văn khoa – một khóa chỉ có 8 sinh viên, và lớp Toán học đại cương được mấy khóa theo hình thức tầm sư học đạo – thầy ở đâu thì trò tìm đến đó mà học. Đến năm 1951 thì thành lập Trường Dự bị đại học, rồi Sư phạm cao cấp – vừa có khoa học xã hội vừa có khoa học tự nhiên; lại có thêm Sư phạm cao cấp và Khoa học cơ bản đặt nhờ

trên đất Nam Ninh-Trung Quốc. Hòa bình lập lại (1954), ở Miền Bắc thì lần lượt chỉ trong vòng mấy năm đã xuất hiện đủ các trường đại học: nào là Đại học Sư phạm Văn khoa; Đại học Sư phạm khoa học; rồi là Đại học Sư phạm Hà Nội; Đại học Tổng hợp Hà Nội; Đại học Y Dược tách thành Đại học Y và Đại học Dược; Đại học Bách khoa Hà Nội sau tách thành các trường: Bách khoa, Xây dựng, Công nghiệp nhẹ, Thủy Lợi; Đại học Nông - Lâm sau tách thành 2 trường riêng: Nông nghiệp, Lâm nghiệp; Đại học Kinh - Tài nay là Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Luật, Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Ngoại giao, Đại học Sư phạm Việt Bắc nay là Đại học Thái nguyên, Đại học Sư phạm Vinh nay là Đại học Vinh, sau thêm Đại học Tây Bắc. Một nền giáo dục đại học còn non trẻ so với nhiều nước trên thế giới nhưng vẫn là chắc chắn, được nhân dân tin tưởng và đón nhận. Chưa nói là bằng con đường ngoại giao, ta đã gửi hàng vạn sinh viên ra đào tạo ở nước ngoài với đủ các ngành để trở về xây dựng đất nước. Nhờ đó mà đất nước có một thế hệ nhà khoa học sáng giá chưa từng có, đặc biệt là về khoa học tự nhiên. Thời đó, Bộ trưởng Bộ Giáo dục là Nguyễn Văn Huyền – vốn là Tổ sư của Dân tộc học Việt Nam hiện đại, ngày ông bảo vệ luận án tiến sĩ tại Đại học Sorbonne nổi tiếng hàng đầu của nền đại học Pháp, có vị trong Hội đồng giám khảo đã nói: “Nước Pháp hãy coi chừng Việt Nam có những con người như thế”; Thứ trưởng là Nguyễn Khánh Toàn – người từng gắn bó với ba nền văn hóa lớn: Pháp, Nga, Trung Quốc, từng tốt nghiệp Đại học Phương Đông của Liên Xô. Tiếp đó, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp là Tạ Quang Bửu – người Việt Nam học được nhiều ngành khoa học hiện đại của Pháp mà

học đâu cũng giỏi nhưng trước kỳ thi thì bỏ học để chuyển sang học ngành khác, dư luận vẫn coi là học giả uyên bác cả về khoa học tự nhiên lẫn khoa học xã hội và nhân văn. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đặc biệt quan tâm đối với Đại học Sư phạm Hà nội – máy cái của ngành giáo dục phổ thông; năm 1956, khóa đầu tiên làm lễ ra trường, Thủ tướng đến chúc mừng và phát phần thưởng cho các thủ khoa và về sau còn nhiều lần về thăm trường; năm 1960, nhân dịp đến thăm trường, Hồ Chủ tịch đã có lời dạy: “Trường phải ra trường. Thầy phải ra thầy. Trò phải ra trò. Trường Sư phạm phải là trường mô phạm của cả nước”; năm 1964, khi về thăm trường, Thủ tướng cũng có lời khuyên: “Dạy và học phải coi trọng kiến thức đã đành nhưng quan trọng hơn là phải coi trọng phương pháp sao cho thật tốt vì kiến thức một ngày một tăng trưởng theo cấp số nhân nhưng có loại trở thành lạc hậu. Nếu có phương pháp tốt thì thời nào cũng có tác dụng”... Tất cả những lời dạy đầy đủ là phương châm cốt yếu giúp nhà trường vững bước tiến lên.

Cụ Đồng đã viết về hai đại văn hào của đất nước là Nguyễn Trãi và Nguyễn Đình Chiểu, đặc biệt là với Nguyễn Đình Chiểu. Cụ là người đầu tiên đặt bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ngang tầm *Bình Ngô đại cáo* – “bản thiên cổ hùng văn” vô tiền khoáng hậu của Việt Nam mà cũng là của hiếm trong lịch sử văn chương nhân loại. Cụ viết: “*Bình Ngô đại cáo* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là hai khúc ca thuộc hai thời đại nhưng một dân tộc. Một bên là khúc ca khái hoàn. Một bên là khúc ca thất thế nhưng vẫn hiên ngang”. Riêng với Nguyễn Đình Chiểu, Cụ còn viết: “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn

thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”. Thực tế quả có tình trạng với văn chương của cụ Đồ Chiểu về tư tưởng thì không ai không ngợi ca tinh thần nhân đạo và lòng yêu nước, không ai không quý trọng cụ Đồ Chiểu – người đã lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc dựng nên được một tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân Việt Nam tương xứng với phẩm chất của họ ngoài đời, nhưng về ngôn ngữ thì khó mê thích như khi đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Riêng với tôi là người đã “léo đéo đi theo” cụ Đồ Chiểu bao năm thì nay nhờ cụ Đồng mà thấy rõ hơn cái đẹp của văn chương Đồ Chiểu để trong sách giáo khoa Ngữ văn Trung học phổ thông đã có thể viết: “Cái đẹp văn chương của cụ Đồ Chiểu không phải là cái đẹp của một cánh đồng lúa ở thời con gái xanh mượt lướt nhẹ trong gió chiều xuân mà là cái đẹp của những đống khoai củ của những bông lúa mẩy vàng; không phải là quả nhãn lông Hưng Yên mới nhai vào đã thích mà là quả sầu riêng, với người chưa quen, ăn lần đầu vẫn thấy thum thum khó nuốt nhưng đã quen thì lại rất thèm ăn, bởi chính nó là bậc vương giả đắt tiền nhất trong thế giới trái cây của Nam Bộ; cũng không phải là kẹo nu ga ai ăn cũng thích mà là chè Tân Cương Thái Nguyên, ai chưa quen, mới nhấp vào đã phải nhổ ra nhưng quen rồi, trưa ngủ dậy, nhấp vài chén thì mãi đến đêm vẫn thấy đượm hợm”. Từ cảm nhận mới đó, tôi đã đi đến mệnh danh văn chương của Nguyễn Đình Chiểu là “văn chương đạo đức trữ tình”, là ngọn cờ cao nhất trong dòng văn chương đạo lý Việt Nam. Còn đây là ý kiến về Nguyễn Công Trứ: Giữa lúc giới văn chương tán dương thơ ca của cụ Trứ còn giới sử học đó đây vẫn lên án gay gắt ông Đốc Trứ trong chuyện

đàn áp nông dân khởi nghĩa Phan Bá Vành và Nông Văn Vân thì tại hội nghị về thủy lợi toàn Miền Bắc ở Thái Bình, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đồng ý tôn vinh Nguyễn Công Trư là “Nhà khẩn hoang lỗi lạc”. Hẳn là cụ đã có cách nghĩ khác nhiều người về hiện tượng nông dân khởi nghĩa: là do quá đói khổ mà phải nổi dậy, cho nên phải có cách giải quyết sao cho thỏa đáng nhất mà vẫn giữ được bình yên của đất nước, quan trọng là phải làm cho người nông dân đỡ khổ để không cần nổi dậy. Thực tế cụ Trư đã làm được việc đó và trở thành “Nhà khẩn hoang lỗi lạc” nhất trong lịch sử dân tộc.

Tiếp đây là chuyện cụ Đồng với một số trí thức mà tôi được chứng kiến:

Trước hết là với Giáo sư Đặng Thai Mai. Qua mấy lần cụ Đồng đến chơi nhà cụ Mai, mà tôi ngày đó là trợ lý của cụ Mai nên được chứng kiến thì thấy đây là một đôi bạn tri kỷ thật đáng quý. Chẳng phải thế mà ở buổi lễ Kỷ niệm 10 năm Giáo sư Đặng Thai Mai qua đời (1994) do Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức (có sự tham dự và phát biểu của người con rể đặc biệt là Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nhà thơ Tố Hữu), cụ Đồng được vệ sĩ dìu đến và lên diễn đàn phát biểu: “Hôm nay gió mùa Đông Bắc, mưa rét nhưng với Đặng Thai Mai, tôi không thể không đến. Mà với bạn tôi – Đặng Thai Mai, tôi chỉ có một ý thế này: Vontaire nhà tư tưởng lớn của Pháp từng nói: “Đời tôi chỉ mong làm được một việc gì đó nhỏ nhỏ nhưng là có ích cho đất nước”. Đặng Thai Mai là thế”. Nói xong, cụ Đồng cáo từ, ra về. Cả cuộc họp nghe mà khoái, bởi như chúng ta biết, về thanh danh học thuật của học giả Đặng Thai Mai thì lừng lẫy hàng đầu, không ai chối cãi, công trình để lại cho hậu thế so với một số học giả như Đào Duy

Anh hay Nguyễn Hiến Lê... thì ít hơn nhưng độ uyên bác cổ kim Đông Tây và văn phong thì không dễ gì có ở người khác. Ý kiến của cụ Đồng về cụ Mai thêm một lần chứng tỏ khả năng và phong cách tư duy của cụ Đồng là điểm nhãn, là điểm huyệt.

Với Giáo sư Cao Xuân Huy, khi cụ Đồng cho mở lớp đại học Hán Nôm là một cơ hội hiếm để lớp hậu sinh được khai thác vốn liếng cao siêu của cụ Huy – nhà Đạo học số một của Việt Nam, một trong sáu nhà Đông phương học giỏi nhất của thế giới – theo sự đánh giá của một nhà Đông phương học của Liên Xô sang thăm Việt Nam, sau khi tiếp kiến cụ Huy. Cứ đọc công trình *Tư tưởng phương Đông gọi những điểm nhìn tham chiếu* của Cao Xuân Huy (Nguyễn Huệ Chi soạn và chú giải, NXB Văn học, 1994) – Giải thưởng Hồ Chí Minh, sẽ rõ nhà Đạo học số một của Việt Nam này là thế nào. Ngày cụ Huy qua đời tại Sài Gòn, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã cho người đến nhà con gái của cụ Huy ở Hà Nội hỏi địa chỉ để nhờ đem vòng hoa đến viếng với tư cách là học trò cũ thời học ở Huế viếng thầy. Tại Thành phố Hồ Chí Minh đã sớm có tên đường Cao Xuân Huy.

Còn đây là chuyện cụ Đồng với mấy vị Giáo sư lừng danh đất nước nhưng gặp lúc không xuôi chèo mát mái trong vụ Nhân văn Giai phẩm:

Trước hết là với Giáo sư Trần Đức Thảo – vị “Triết gia duy nhất của Việt Nam” (Trần Văn Giàu). Năm 1951, Giáo sư Trần Đức Thảo bỏ Paris hoa lệ, về nước tham gia kháng chiến ngay ngày đầu, đã được Thủ tướng mời cơm, nhưng từng bị quy là lãnh tụ tinh thần của Nhân văn Giai phẩm, bị kiểm điểm hai ngày. Trước khi đương sự phát biểu tiếp thu thì bỗng nhiên nhà cách

mạng lão thành Hà Huy Giáp – Bí thư Đảng đoàn, Thứ trưởng Bộ Giáo dục lên diễn đàn nói: ông Trần Đức Thảo viết thư cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng thì Thủ tướng có thiệp trả lời và yêu cầu đọc công khai trước cử tọa, nội dung: “Thân gửi anh Thảo. Tôi đã đọc thư anh. Mong anh nghĩ lại những điều anh em nói. Chúc anh mạnh khỏe. Thân ái! Phạm Văn Đồng”. Đúng là một luồng gió mát thổi vào phòng họp đang cực kỳ oi bức, làm mọi người phải suy nghĩ. Chuyện xảy ra năm 1958 là thế. Nhưng đến năm 1963, theo Giáo sư Nguyễn Đức Nam ngày đó cho biết thì cái tên “triết gia Trần Đức Thảo” lại tái xuất trên Tạp chí *La Pensée* của Đảng Cộng sản Pháp với Luận văn *Hạt nhân duy lý của triết học Heghen*, có Lời tòa soạn: “Thiết tưởng với bạn đọc châu Âu, cái tên Trần Đức Thảo thì chẳng cần nói gì thêm vì đã quá quen thuộc. Điều đáng nói là dù sống trong hoàn cảnh Việt Nam có chiến tranh gian khổ mà triết gia Trần Đức Thảo vẫn có những công trình sáng giá thế này”. Và từ đó, tên tuổi Trần Đức Thảo tiếp tục nổi danh với những công trình sáng giá khác ở khắp nơi trên thế giới. Cuối đời, trong dịp công cán tại Paris, triết gia qua đời, đã được an táng tại nghĩa trang Père Lachaise nhưng Nhà nước ta đã lệnh cho Sứ quán chuyển tro cốt ông về nước để làm lễ tưởng niệm và an táng, tặng Huân chương Độc lập hạng hai, về sau, tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh cho ông. Ai đã giữ lại triết gia Trần Đức Thảo cho đất nước từ một tình huống ngặt nghèo như thế nếu không phải là Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Với Giáo sư Đào Duy Anh, tuy ít nặng nề hơn nhưng cũng bị kiểm điểm mà sau đó rơi vào cảnh ngộ mọi người, kể cả đệ tử ruột, đều ngại tiếp xúc chào hỏi. Còn Giáo sư Đào tuy rời giảng đường đại học nhưng vẫn có

mặt trong nhiều buổi sinh hoạt học thuật, mà lần nào cũng vậy, cứ lui thủi một mình và tìm một góc cuối phòng họp để ngồi. Nhưng vào năm 1963, có cuộc hội thảo khoa học về vấn đề ở Việt Nam có hay không chế độ nô lệ, tổ chức tại trụ sở Ủy ban khoa học Việt Nam. Những tên tuổi lớn như Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền, Giáo sư Tạ Quang Bửu, Giáo sư Trần Văn Giàu, Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn, Phó Chủ nhiệm UBKH Trần Huy Liệu cùng nhiều quan chức đều có mặt. Khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng vừa bước vào phòng họp thì mọi người đứng dậy vỗ tay đón chào. Thủ tướng bước đến hàng đầu có ghế phôi toi bọc vải nhung dành riêng cho mình, giờ hai tay chào mọi người thì trông thấy cụ Đào ngồi tít ở cuối. Thủ tướng vội chạy xuống ngồi cạnh cụ Đào vốn là đàn anh của mình thời sáng lập Đảng Tân Việt (1930) mà về sau người là sử gia trứ danh, người là Thủ tướng được mọi người tôn quý, hai người nói chuyện riêng với nhau. Cho đến lúc khai mạc, Ban Tổ chức hội thảo mời Thủ tướng về chỗ ngồi thì Thủ tướng đã đỡ cụ Đào cùng lên nhưng cụ Đào nhất định không chịu lên, Thủ tướng phải đỡ cụ Đào, kéo rề mấy bước thì cụ Đào mới chịu bước theo để ngồi bên cạnh, Thủ tướng thỉnh thoảng lại ghé sang nói chuyện riêng với cụ Đào. Tình trạng e ngại, tránh tiếp xúc, không chào hỏi với cụ Đào chấm dứt từ đó. Còn cụ Đào thì vẫn tiếp tục cống hiến cho đất nước nhiều công trình sáng giá và được Giải thưởng Hồ Chí Minh, có tên đường phố nằm sát nhà B6 khu tập thể Kim Liên – nơi cụ từng sinh sống.

Với Giáo sư, Luật sư Nguyễn Mạnh Tường – con người từng để lại một kỷ lục trên đất nước Pháp mà không biết đến nay đã có ai vượt qua chưa, đó là khi 22 tuổi mà

trong một tháng 17 ngày đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ luật khoa và luận án tiến sĩ văn chương ở Pháp. Năm 1956, là Trưởng đoàn Luật gia Việt Nam đi Hội nghị luật gia quốc tế tại Helsinki (Phần Lan), có công thuyết phục Hội đồng Luật gia quốc tế ra quyết định công nhận cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam là chính nghĩa. Trở về nước, Giáo sư báo cáo kết quả Hội nghị với Thủ tướng Phạm Văn Đồng thì đúng lúc Đảng nhận ra sai lầm của Cải cách ruộng đất và đang bàn việc sửa sai, Thủ tướng đã khuyến khích Giáo sư có ý kiến. Giáo sư, với cương vị là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, đã có bài phát biểu tại Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, với quan điểm: sai vì không theo pháp luật nên sửa sai thì phải sửa theo pháp luật. Chuyện tưởng thế là xong, không gì nữa, nhưng không biết do đâu mà bài phát biểu của cụ Tường bị tuồn sang phương Tây để các thế lực chống đối lợi dụng làm rùm beng lên. Thế là cụ Tường bị kiểm điểm và rời khỏi giảng đường đại học để sống tiếp cuộc đời lao động học thuật trong nỗi cô đơn. Nhưng rồi “sương đầu ngõ” đã tan, mây “trên trời” đã vén, Giáo sư được Trường Đại học của Pháp nơi Giáo sư từng học và Việt Kiều ta tại Pháp mời sang chơi với sự đón tiếp và tôn vinh nồng hậu; Tổng thống Pháp sang thăm Việt Nam, khi chiêu đãi khách đã dành riêng cho Giáo sư một trong hai ghế khách danh dự của nước Pháp; Tổng Bí thư Đỗ Mười đến nhà thăm, báo chí ca tụng...; ngày Giáo sư qua đời, tang lễ do Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm nhiệm, có Tổng Bí thư Đỗ Mười đến dự và ghi vào sổ tang những lời tôn vinh nồng nhiệt, và đặc biệt, Thủ tướng Phạm Văn Đồng hồi này mắt nhìn đã kém, chân đi đã yếu nhưng vẫn có vệ sĩ dìu đến viếng Giáo sư để cả tang trường rất đổi ngạc nhiên, và

trong tang lễ, bài diếu văn của vị Tổ sư ngành địa chất Nguyễn Văn Chiển đã thay mặt cựu học sinh Trường Bưởi kết lại rằng: “Thầy sống nghĩa khí quá. Chúng con bái lạy Thầy”.

Với Giáo sư toán học Phan Đình Diệu, từ một giảng viên toán của Đại học Sư phạm Hà Nội, Giáo sư trở thành Viện phó Viện Khoa học Việt Nam kiêm Viện trưởng Viện Toán - Tin, đại biểu Quốc hội khóa 1976-1981. Là một trí thức sớm có mặt ở nước ngoài, trong đó có Mỹ, sau 1975, sau những chuyến xuất ngoại về, Giáo sư được Bộ Ngoại giao mời nói một ngày về đề tài *Ta là gì giữa thế giới này* với ý tưởng chung là ta nói nhiều về đất nước nhưng thực ra ta chưa hiểu ta là gì giữa thế giới này, khiến ai nghe cũng thấy mới lạ, nhưng đâu đó lại có ý kiến Phan Đình Diệu sùng bái Mỹ. Trên diễn đàn Quốc hội, Giáo sư đã phát ngôn một số ý kiến lạ tai, trong đó có ý đụng đến vấn đề nhân sự cao cấp trước yêu cầu phát triển đất nước trong thời đại mới, gây xôn xao trong dư luận, Báo *Nhân Dân* đăng lại bản tham luận của Giáo sư nhưng cắt bớt ý tưởng đó thì Giáo sư đã phản ứng, làm đơn xin thôi hết mọi chức trách để về lại khoa Toán - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Trước tình hình đó, vị Thủ tướng vốn rất quý anh đã gọi anh đến nhà mắng rằng anh ăn nói bừa bãi, vô trách nhiệm, vô tổ chức, nhưng anh đáp lại: đây là những ý kiến đã được anh suy nghĩ suốt ba tháng từ khi được mời phát biểu, và trước khi Quốc hội họp, suốt 15 đêm, đêm nào anh cũng gác tay lên trán nghĩ có nên phát ngôn không, nhưng cuối cùng anh nghĩ rằng đã là đại biểu Quốc hội thì phải phát ngôn, mà phát ngôn trên diễn đàn Quốc hội chứ không phải ở hành lang của hội trường. Ba hôm sau, vị Thủ tướng đó gặp lại thì đã vỗ vai

tươi cười nói: “Hôm trước nóng vội, thông cảm nhé”. Riêng Thủ tướng Phạm Văn Đồng thì đã gọi anh lên nhà và nói nhất định anh không được từ chức, đề nghị anh viết lại đầy đủ những suy nghĩ của mình về đất nước hôm nay. Giáo sư Phan Đình Diệu đã viết 36 trang đánh máy về vấn đề *Khoa học hệ thống và việc quản lý đất nước*. Từ đó, quan hệ giữa Thủ tướng và Giáo sư Phan Đình Diệu ngày một thân thiết, mặc dù đâu đó thoáng có ý kiến rằng Đảng ta không cần người dạy Đảng như Phan Đình Diệu. Thái độ của cụ Đồng với anh Diệu đã kéo theo sự đồng thuận của một số vị cao cấp khác. Thực tế anh Diệu vẫn đảm nhiệm các trọng trách, vẫn là Ủy viên, Chủ tịch đoàn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, vẫn xuất ngoại như thường. Đặc biệt là Tổng Bí thư Đỗ Mười và Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu sau ngày nhậm chức đều mời anh Diệu lên nhà riêng đàm đạo thân tình. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu sau khi nghe anh phát biểu đã nói: anh Diệu nói nghe cũng hay nhưng khó thực hiện nhỉ. Còn cụ Đồng, trước khi qua đời, lên an dưỡng ở Tam Đảo, đã cho mời anh Diệu lên chơi và nói chuyện lâu lâu. Sau ngày cụ Đồng qua đời, có sách viết về cụ, trong đó có bài anh Diệu viết về mối tình cụ đã dành cho anh, đặc biệt là trong cuộc gặp gỡ cuối cùng ở Tam Đảo thật là cảm động. Những gì về quan hệ giữa cụ Đồng và anh Diệu được kể lại trên đây là từ lời kể của anh Diệu với tôi.

Còn đây là chuyện cụ Đồng với tôi, mà tôi cứ băn khoăn nói hay không nói. Nói thì sợ bị cho là khoe khoang, mặc dù là chuyện thật. Năm 1991, vào lúc tình hình Liên Xô và mấy nước Đông Âu vừa diễn ra như thế, vào một buổi chiều tôi đi vắng, về nhà thì nhận được thư anh Trương Lai để lại, trong đó nói: “ông Tô (Tô là bí danh của cụ Đồng)

muốn nhờ anh anh Diệu, anh Ma Văn Kháng chấp bút hộ quyển sách về Hồ Chủ tịch. Anh đi vắng, chiều mai tôi lại đến”. Được tin, tôi hơi sùng sốt, sao lại có chuyện này với mình? Nhưng nghĩ bụng, có lẽ do tham luận của tôi tại Hội thảo quốc tế đón nhận danh hiệu Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, năm 1990, có nhan đề *Con đường Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trở thành nhà văn hóa tương lai* mà được mời dự tiệc chiêu đãi khách nước ngoài của Chính phủ; bản tham luận lại được in vào sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa* (NXB Chính trị Quốc gia), tên bản tham luận lại là tên Chương I của sách, mà bài mở đầu là của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Nay được cụ Đồng nhờ chấp bút cuốn sách về Hồ Chủ tịch thì cũng sướng nhưng lại đang bị què, phải đi hai nạng nên tôi gọi điện nhờ anh Trương Lai nhờ thưa với cụ là tôi không đi lại được nên xin cảm ơn cụ. Còn cụ ưng nghe thì tôi nói. Riêng với anh Trương Lai thì tôi nói vui: tôi chưa quen nghề điều đóm ông ạ. Không ngờ ngay hai hôm sau, anh Trương Lai gọi điện nói cụ muốn nghe anh nói. Tôi vừa vui vừa lo. Ý là đã nói thì phải nói thẳng, nói thật những gì mình nghĩ chứ không vòng vo tam quốc, nhưng trước một vị nguyên thủ quốc gia, tuổi lại bậc bố mình, lại lần đầu nói thì hậu quả là gì, lơ mơ mà bị mắng thì có nhục không. Tôi bèn trao đổi với anh Diệu và quyết định nói trước với mấy vị thư ký đã, được thì đưa cụ nghe, không được thì bỏ. Tôi đã nói trước với các anh Việt Phương, Trương Lai và hai anh nữa (hình như là ở Báo Nhân Dân và Ban Khoa giáo) hơn ba tiếng đồng hồ về 3 chủ điểm: 1) Đặc điểm cơ bản nhất và bao trùm nhất của đời sống Việt Nam thời nay và năng lực tư duy cần có để nhận thức đặc điểm đó; 2) Con

người Việt Nam qua lịch sử văn học Việt Nam; 3) Đặc điểm tư duy của người Việt Nam ở thời đại ngày nay. Mấy hôm sau, anh Diệu gọi điện nói: ông cho mượn hai cái băng ghi âm buổi nói chuyện của ông để nghe xem sao. Việt Phương đánh giá ông cao lắm. Tôi đáp: có băng gì đâu, chỉ nói xong là về. Nhưng đúng mấy bữa sau thì tôi nhận được hai cuộn băng ghi âm nói chuyện. Tiếp đến, lại có điện thoại của anh Tương Lại nói đã đưa cụ nghe và cụ muốn anh lên nhà riêng nói thêm những vấn đề chưa nói. Tôi nói ngay: cụ thôi chứ, lại già rồi, nghe làm gì chớ mệt bụng (tôi vốn hay e ngại mang tiếng là dựa dẫm vị này vị khác trong cuộc sống). Nhưng không ngờ mấy hôm sau lại nhận được điện thoại của anh Tương Lại nói: đúng 7g30 ngày ấy, xe sẽ đón anh lên nhà riêng của cụ ở Chủ tịch phủ để nói chuyện. Tôi đã lên và tranh thủ dạo xem quang cảnh Chủ tịch phủ một chút nhưng chưa gì đã có người ra nói: mời chú vào. Cụ đã ngồi chờ ở phòng khách. Buổi nói chuyện bắt đầu. Tôi ngồi đối diện với cụ. Quanh bàn vẫn có mấy anh bữa trước. Cụ Đồng mở đầu: "Tôi nghỉ việc rồi. Bây giờ nói gì cũng phải suy nghĩ, đừng để ai cho là mình thôi rồi thì phá đám. Hôm nay tôi muốn nghe ý kiến về vấn đề là: hiện nay thiên hạ đã đại biến, vậy thì cái bất biến của chủ nghĩa Mác là gì? của Hồ Chí Minh là gì?". Có anh nói: "Cái bất biến của chủ nghĩa Mác là về phương pháp luận". Cụ nói ngay: "Chỉ phương pháp luận đâu đã đủ. Phương pháp luận phải dẫn đến những nội dung gì chứ". Có anh nói: "Vừa rồi có làm một cuộc điều tra xã hội học kín với 100 thanh niên ở Hải Hưng, đưa câu hỏi về việc phấn đấu vào Đảng thì cả trăm đều nói không muốn gì nữa. Trong đó, 50% với lý do vào Đảng

thì không được làm kinh tế vì Đảng cấm đảng viên làm kinh tế, 50% thì nói Liên Xô và Đông Âu đã thế thì còn gì mà vào Đảng nữa". Cụ Đồng buột miệng nói ngay: "Nguy nhi! Nguy nhi! Nguy nhi! Đảng phải tự cứu thôi". Đến lượt tôi, đã nói thì không ngại gì nữa, tôi nói hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, tôi nói: "Vấn đề với chủ nghĩa Mác lớn quá, tôi chưa thể có ý kiến, tôi chỉ xin nói về Hồ Chí Minh. Năm ngoái, bác và tôi đều tham dự Hội thảo khoa học quốc tế nhân dịp đón nhận danh hiệu Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, có hơn bảy chục đại biểu quốc tế tham dự thì như là một đàn đại hợp xướng ngợi ca Bác Hồ của chúng ta. Vậy xin bác cho biết ý kiến họ ngợi ca Bác Hồ là ngợi ca những gì?". Cụ nói ngay: "Tôi hỏi anh sao anh lại hỏi tôi". Vậy là tôi nói: "Muốn tìm cái bất biến ở Hồ Chí Minh thì khoan hãy nói đến "Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới", bởi chỉ nói thế thì chưa đủ rõ cái bất biến ở Hồ Chí Minh. Hãy coi Hồ Chí Minh là một con người như mọi con người khác, cũng có nơi ở, cũng ăn, mặc, tắm rửa, đi đây đi đó, gặp người này người khác. Nhưng thử hỏi trên thế giới này, trong các lãnh tụ cộng sản và nguyên thủ nhiều nước khác, có ai như Hồ Chí Minh của Việt Nam: không ở nhà lâu mà ở nhà sàn, không comple, cavat mà quanh năm vẫn là bộ áo kaki bạc théch, không đi giày bottin đoculo mà đi dép cao su; dọc đường công tác, nhảy xuống hồ tắm xong thì tự vò lấy quần đùi, may ô, móc vào sào, vác đi nhong nhong như thế. Trong khi Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Rumani Ceausescu sang Hà Nội còn cho chở cả tét nước sang theo. Hồ Chí Minh sống như thế mà tôi cũng sống như thế. Nhưng tôi là tôi, một con dân như mọi

con dân khác. Trong khi Hồ Chí Minh là một lãnh tụ tối cao, một “Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới”. Cái bất biến ở Hồ Chí Minh chính là từ điệu sống hàng ngày đó. Mà để hiểu nó thì phải trở lại với triết lý sống của phương Đông cổ trung đại là khác với triết lý sống của phương Tây trong việc xử lý về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ. Với phương Tây, con người là trung tâm của vũ trụ; vũ trụ là phương tiện sống của con người, mặc cho con người tha hồ khai thác nên giàu có ghê gớm như thế nhưng phá hoại môi trường cũng ghê gớm, để rơi vào nguy cơ “hấp hối” như có người đã cảnh báo. Trong khi phương Đông quan niệm con người với thiên nhiên là một: thiên nhân nhất thể, thiên nhân hợp nhất, thiên nhân tương dự, tam tài: thiên-địa-nhân, con người sống trong sự “trời che đất chở”, hạnh phúc con người không chỉ là hạnh phúc giữa con người với nhau mà còn là hạnh phúc trong sự hòa nhập với thiên nhiên, mà muốn hòa nhập với thiên nhiên thì phải sống rất giản dị: đi bộ là gần với mặt đất hơn đi ô tô, ở nhà sàn là gần với gió trời, với trăng sao hơn là sống ở nhà lầu bốn bề cửa đóng then cài ngập tràn ánh điện. Phương Đông với triết lý sống như thế thì ít khai thác thiên nhiên, ít phá hoại môi sinh nên nghèo hơn nhưng xét về trường kỳ của sự sống thì lại bền hơn. Dĩ nhiên đây là chuyện xưa chứ không phải chuyện nay – khi thế giới đang từng ngày trở thành thế giới phẳng. Cái bất biến ở Hồ Chí Minh thể hiện trước hết là ở điệu sống theo triết lý sống của phương Đông cổ trung đại cao diệu là thế, cả một đời chỉ lo toan giành lại giang sơn gấm vóc, lo toan kháng chiến thắng lợi để rồi “Kháng chiến thành công ta trở lại/ Trăng xưa hạc cũ với

xuân này” (*Cảnh rừng Việt Bắc*). Rốt cuộc, cái bất biến ở Hồ Chí Minh là từ cái bất biến của một bậc hiền triết minh triết phương Đông cổ trung đại, trong đó có phương châm “Chính tâm, thành ý, cách vật, trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” mà trở thành “Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới”. Không như thế thì là một Hồ Chí Minh khác, chưa biết có gì là bất biến hay không. Tôi nói đến đây thì người vệ sĩ đề nghị dừng để cụ nghỉ vì đã hơn 11 giờ. Trước khi ngừng lời, tôi thưa là đã suy nghĩ và nói ra như thế, xin bác cho ý kiến. Cụ nói: tốt! tốt! tốt! Về sau, nhân dịp anh Việt Phương gặp và tặng tôi cuốn sách viết về Thủ tướng Phạm Văn Đồng, còn vui cười nói: chú nhỉ, giá gì có thêm những buổi như thế nữa thì vui nhỉ?!

Ngày Thủ tướng Phạm Văn Đồng qua đời, ngay hôm đầu tiên, Truyền hình Việt Nam đưa tin có 4 vị phát biểu là Giáo sư Trần Văn Giàu, Giáo sư Phạm Minh Hạc, Giáo sư Vũ Khiêu, Giáo sư Hà Học Trạc, và thêm nữa là tôi. Tôi đã nói: “Cụ Phạm Văn Đồng là một nhà cách mạng lớn mà cũng là một nhà văn hóa lớn. Dĩ nhiên đã là nhà văn hóa lớn thì có kiến thức văn hóa phong phú, nhưng điều tôi quý nhất ở nhà văn hóa lớn này là một tâm hồn cao đẹp và những ý tưởng lớn đậm bản sắc cá nhân, không chỉ ở phương diện văn hóa, văn nghệ mà còn ở nhiều vấn đề trọng đại của đất nước. Phải công phu tìm hiểu chứ không phải nói vài ba câu mà được”.

Để kết thúc bài viết này, tôi lại xin nói điều đã nói là: Nói về cụ Đồng thì phần nào cũng là nói về Nhà nước ta thời đó. Riêng với cụ Đồng thì xin nói gọn một câu: Cụ là học trò xuất sắc thượng hạng của Bác Hồ ■